

Bản án số: 533/2024/DS-PT  
Ngày: 12/6/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền

**Các Thẩm phán:**  
1. Bà Đặng Huyền Phương  
2. Bà Đỗ Thị Hòa

**Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29/5/2024 và 12/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2289/2023/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2058/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5712/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Chu Quốc A**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: 187/25/26 L, tổ A, KP L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Duy V, sinh năm 1986; Ông Trần Mạnh L, sinh năm 2000 (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 20/11/2023, công chứng số 011872 tại Văn phòng C) (có mặt).

Cùng địa chỉ: A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Vũ Vân H Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy H1**, sinh năm: 1968 (có mặt);

Địa chỉ: E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 5 Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chu Quốc A có ông Nguyễn Thành Duy V là người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Do có quan hệ quen biết nên từ năm 2019 ông Chu Quốc A cho bà Nguyễn Thị Thúy H1 vay mượn tiền nhiều lần để sử dụng vào các mục đích cá nhân. Đến ngày 15/12/2020 hai bên xác lập văn bản xác nhận việc vay mượn này, cụ thể là “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” tại nhà riêng của bà H1 ở địa chỉ số E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng cộng bà H1 vay 03 khoản tiền, bao gồm:

- Khoản vay 1: Mục đích vay để bà H1 xây dựng nhà. Số tiền: 3.463.650.000 đồng (ba tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn vay từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/7/2022.

- Khoản vay 2: Mục đích để bà H1 đóng tiền bảo hiểm. Số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/9/ 2021.

- Khoản vay 3: Mục đích: Bà H1 vay để tiêu dùng cá nhân. Số tiền: 575.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 15/12/ 2020 đến ngày 15/12/2022.

Trong quá trình Toà án đang giải quyết vụ việc thì bà H1 đã thanh toán cho ông Quốc A 02 khoản vay (khoản vay 2 và 3), còn lại khoản vay 1 như sau: Khoản vay 1: Số tiền: 3.463.650.000 (Ba tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn vay từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/7/2022. Khi khoản vay 1 đã quá thời hạn cho vay theo thoả thuận trong Hợp đồng. Mặc dù ông Quốc A đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ nhưng bà H1 liên tục né tránh và không thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và lãi cho ông Chu Quốc A. Chỉ khi ông Chu Quốc A tiến hành khởi kiện thì bà H1 mới thanh toán cho ông Quốc A 850.000.000 đồng vào ngày 17/1/2023.

Chi tiết số công nợ và lãi chậm trả còn lại như sau:

- Tiền nợ gốc: 3.463.650.000 đồng; Ngày 17/01/2023, bà H1 đã thanh toán 850.000.000 đồng trừ vào số nợ gốc: 3.463.650.000 (đồng) - 850.000.000 (đồng) = 2.613.650.000 đồng.

- Tiền lãi vay trong thời hạn: Khoản vay 1 (thời hạn từ 15/12/2020 đến 15/7/2022); số tiền tính lãi 3.463.650.000 đồng:  $3.463.650.000 \text{ (đồng)} \times 0,83\% \times 19 \text{ (tháng)} = 548.411.250 \text{ đồng}$

- Tiền lãi vay quá hạn từ 15/7/2022 đến 17/1/2023: Số tiền tính lãi

3.463.650.000 đồng:  $3.463.650.000 \text{ (đồng)} \times 150\% \times 0,83\% \times 6 \text{ tháng} = 250.734.655 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi vay quá hạn từ 17/1/2023 đến 17/11/2023: số tiền tính lãi 2.613.650.000 đồng;  $2.613.650.000 \text{ (đồng)} \times 150\% \times 0,83\% \times 10 \text{ (tháng)} = 325.399.425 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng tiền gốc và lãi của khoản vay 1 là:  $a + b + c + d = 3.746.195.330 \text{ đồng}$ .

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến 17/11/2023 là 3.746.195.330 đồng. Lãi chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của mình.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 có ông Nguyễn Đình M là đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Bị đơn xác nhận có vay 03 khoản vay như nguyên đơn trình bày, bà Nguyễn Thị Thúy H1 đã trả khoản vay 2 và 3, còn lại khoản vay 1 như sau: Tổng nợ gốc tính từ 18/11/2019 đến ngày ký hợp đồng ngày 15/12/2020 là 2.993.050.000 đồng bà H1 đã trả 186.300.000 đồng còn lại 2.806.750.000 đồng. Số tiền để tính lãi là 2.806.750.000 đồng;  $2.806.750.000 + 300.000.000 \text{ (vay thêm)} = 3.106.750.000 \text{ đồng} - 850.000.000 \text{ đồng} - 360.000.000 \text{ (tiền mặt bằng)} = 1.896.750.000 \text{ đồng}$ , tính lãi đến ngày 17/11/2023 là 890.591.083 đồng. Tổng gốc lãi đến ngày xét xử là 2.787.341.083 đồng. Trừ 100.000.000 đồng mà nguyên đơn cho rằng đã cho vay bằng cách chuyển khoản nhưng không chứng minh được việc cho vay này: Số tiền thực tế có nợ là 2.687.341.083 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý trả tổng gốc lãi đến ngày xét xử là 2.687.341.083 đồng.

*Nguyên đơn ông Chu Quốc A có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là bà Ngô Vũ Vân H trình bày:*

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho nguyên đơn một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến 17/11/2023 là 3.746.195.330 đồng. Lãi chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của mình theo qui định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Đối chiếu với trường hợp của ông Chu Quốc A và bà Nguyễn Thị Thúy H1, tại Hợp đồng cho vay các bên có thoả thuận đối với khoản vay 1: Mức lãi suất theo thoả thuận của các bên dựa trên qui định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay. Do các bên không có thoả thuận rõ về lãi suất, nên phần lãi suất sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/năm theo qui định pháp luật, tức là 10%/năm. Đồng thời, do khoản vay 1 quá hạn trả nợ mà bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Quốc A, vì vậy bà H1 phải chịu thêm lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2289/2023/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến 17/11/2023 là 3.746.195.330 (Ba tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi) đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Lãi chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu 106.923.907 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 56.109.000 đồng cho ông Chu Quốc A theo Biên lai tạm ứng án phí số 001342 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/12/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Nguyên đơn ông Chu Quốc A có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thành Duy V trình bày:*

Số tiền 186.300.000 đồng là khoản tiền lãi bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A làm nhiều đợt từ ngày 15/12/2019 đến ngày 15/6/2020. Sau ngày 15/6/2020, bà H1 tiếp tục nhiều lần vay tiền của ông Quốc A, do bà H1 vay nhiều lần, để thống nhất số tiền đã vay, ông Quốc A và bà đã cùng nhau ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” vào ngày 15/12/2020. Do đó, khoản tiền 186.300.000 đồng là khoản tiền lãi bà H1 trả trước thời điểm ký Hợp đồng cho vay. Về việc bà H1 cho rằng thời hạn trả nợ phải được tính đến tháng 07/2023:

Tại bảng tính nhập có nội dung “*Làm hợp đồng công chứng đến tháng 07/2023*”, do các khoản vay đã quá hạn, nhưng bà H1 vẫn không trả bất kì khoản gốc và lãi nào cho ông Quốc A, do đó ông Quốc A ghi ra để thỏa thuận đi làm hợp đồng công chứng cho vay, đây không phải là thời hạn phải trả để tính lãi quá hạn như bà H1 trình bày. Do đó, lãi quá hạn được tính từ ngày hết hạn cho vay, tức ngày 15/7/2022 trên Hợp đồng cho cá nhân vay tiền.

Về khoản vay 1: Số tiền 850.000.000 đồng tiền gốc mà bà H1 đã trả cho ông Quốc A làm nhiều đợt từ ngày 31/5/2022 đến ngày 17/01/2023, với sự thiện ý của ông Quốc A cũng như tạo điều kiện giảm bớt lãi suất cho bà H1 trả nợ, ông Quốc A đồng ý xem như bà H1 đã trả một lần vào ngày 31/5/2022. Như vậy, số tiền nợ của bà H1 được tính lại như sau:

Tiền nợ gốc: 3.463.650.000 đồng. Đến ngày 31/5/2022, bà H1 đã thanh toán 850.000.000 đồng trừ vào số nợ gốc: 3.463.650.000 đồng - 850.000.000 đồng = 2.613.650.000 đồng.

Tiền lãi vay trong thời hạn: Thời gian tính lãi từ 15/12/2020 đến 30/5/2022, số tiền tính lãi 3.463.650.000 đồng;  $3.463.650.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 17,5 \text{ tháng} = 503.095.162 \text{ đồng}$ . Thời gian tính lãi từ 31/5/2022 đến 15/7/2022, số tiền tính lãi 2.613.650.000 đồng;  $2.613.650.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 1,5 \text{ tháng} = 32.539.942 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng tiền lãi trong hạn là 535.635.104 đồng.

Tiền lãi vay quá hạn tạm tính từ 16/7/2022 đến 17/11/2023, số tiền tính lãi 2.613.650.000 đồng;  $2.613.650.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 0,83\% \times 16 \text{ tháng} = 520.639.080 \text{ đồng}$ . Tổng cộng tiền gốc và lãi của khoản vay 1 là 3.669.924.184 đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 3.669.924.184 (ba tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng. Lãi quá hạn chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của mình.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày:* Bà H1 xác nhận có vay của ông Chu Quốc A các khoản vay như hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2020. Các khoản vay Khoản vay 2: 150.000.000đ bà đã trả hết vào ngày 13/04/2022. Khoản vay 3: 25.000 USD tôi đã trả hết 25.000 USD và 3.000 USD tiền lãi, bà H1 không yêu cầu nguyên đơn trả lại lãi đã trả. Bà H1 đồng ý cách tính lãi suất mà bản án sơ thẩm đã tính. Bà H1 yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét và trừ lại các khoản mà bà H1 đã trả và không vi phạm đối với khoản vay 1 như sau:

Tổng nợ gốc tính từ 18/11/2019 đến ngày ký hợp đồng ngày 15/12/2020 của khoản vay 1 là 3.463.650.000 đồng. Bà đã trả 850.000.000 đồng. Chỉ còn nợ lại: 2.613.650.000đ. Do vậy yêu cầu xác định lại các khoản lãi bà H1 phải trả cụ thể: Phần lãi vay trong hạn mà án sơ thẩm đã tính từ 15/12/2020 đến 15/07/2022 trên số tiền là 3.463.650.000 đồng là không đúng mà phải được tính trên số tiền là 2.613.650.000 đồng nên số tiền lãi là 412.172.605 đồng không phải 548.411.250 đồng. Do ông A xác định lãi quá hạn tính từ 7/2023 nên bản án sơ thẩm đã tính lãi quá hạn từ 15/07/2022 đến 17/01/2023 là 250.734.655 đồng là không đúng.

Phần lãi quá hạn bản án sơ thẩm tính từ 17/01/2023 đến 17/11/2023) với số tiền là 325.399.425 đồng là không đúng vì tính trước hạn thanh toán (7/2023) 6 tháng rưỡi nên số tiền chênh lệch là 211.509.626 đồng. Đối với khoản tiền lãi đã trả từ 2019 đến năm 2021 là 186.300.000 đồng. Khoản này bản án sơ thẩm đã không khấu trừ vào khoản lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Tổng cộng các khoản bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn chưa chính xác là : 136.238.645đ + 250.734.655đ + 211.509.626đ + 186.300.000đ = 784.782.926 đồng nên bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn 2.961.412.416 đồng.

Bản án sơ thẩm đã tính không đúng số tiền là 784.782.926 đồng nên yêu cầu hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm tính lại lãi trong hạn và quá hạn trừ số tiền 784.782.926 đồng vào khoản tiền bà H1 phải trả cho ông A.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:*

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được qui định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 3.669.924.184 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu theo quy định pháp luật. Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bản án sơ thẩm số 2289/2023/DS-ST về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ngày 06/12/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Chu Quốc A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến 17/11/2023 là 3.746.195.330 đồng và lãi chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của mình theo “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” được xác lập vào ngày 15/12/2020. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 có địa chỉ cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, có cơ sở xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền của theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại lãi và thời hạn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc của khoản vay:

Theo trình bày của nguyên đơn, từ năm 2019 ông Quốc A cho bà Nguyễn Thị Thúy H1 vay mượn tiền nhiều lần để sử dụng vào các mục đích cá nhân. Đến ngày 15/12/2020 hai bên xác lập văn bản xác nhận việc vay mượn và lập “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” tại nhà riêng của bà H1 ở địa chỉ E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng cộng bà H1 vay 03 khoản tiền, bao gồm:

Khoản vay 1: Mục đích vay để bà H1 xây dựng nhà. Số tiền: 3.463.650.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn vay từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/7/2022

Khoản vay 2: Mục đích để bà H1 đóng tiền bảo hiểm. Số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/9/ 2021.

Khoản vay 3: Mục đích: Bà H1 vay để tiêu dùng cá nhân. Số tiền: 575.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng) Thời hạn vay từ ngày 15/12/ 2020 đến ngày 15/12/2022.

Trong quá trình Toà án đang giải quyết vụ án thì bà H1 đã thanh toán cho ông Quốc A 02 khoản vay (khoản vay 2 và 3), và 850.000.000 đồng của khoản vay 1 còn nợ lại 2.687.341.083 đồng gốc của khoản vay 1.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 3.669.924.184 (*ba tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bốn*) đồng. Lãi quá hạn chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của mình.

Bị đơn xác nhận có vay 3 khoản vay như nguyên đơn trình bày. Khoản vay 2: 150.000.000đ, bà đã trả hết vào ngày 13/04/2022; Khoản vay 3: 25.000 USD bà H1 đã trả hết 25.000 USD và 3.000USD tiền lãi. Bà H1 không yêu cầu tính lại lãi từ khoản vay này.

Đối với số nợ của khoản vay 1 như sau: Tổng nợ gốc tính từ 18/11/2019 đến ngày ký hợp đồng ngày 15/12/2020 của khoản vay 1 là 3.463.650.000 đồng. Bà đã trả 850.000.000đ. Chỉ còn nợ lại: 2.613.650.000đ. Do vậy yêu cầu xác định lại các khoản lãi bà H1 phải trả cụ thể:

Phần lãi vay trong hạn mà án sơ thẩm đã tính từ 15/12/2020 đến 15/07/2022 trên số tiền là 3.463.650.000 đồng là không đúng mà phải được tính trên số tiền là 2.613.650.000 đồng nên số tiền lãi là 412.172.605 đồng không phải 548.411.250 đồng. Do ông Chu Quốc A xác định lãi quá hạn tính từ 7/2023 nên bản án sơ thẩm đã tính lãi quá hạn từ 15/07/2022 đến 17/01/2023 số tiền 250.734.655 đồng là không đúng. Phần lãi quá hạn bản án sơ thẩm tính từ 17/01/2023 đến 17/11/2023) với số tiền là 325.399.425 đồng là không đúng vì tính trước hạn thanh toán (7/2023) 6 tháng rưỡi nên số tiền chênh lệch là 211.509.626 đồng. Đối với khoản tiền lãi đã trả từ 2019 đến năm 2021 là 186.300.000đ. Khoản này bản án sơ thẩm đã không khấu trừ để tính lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Tổng cộng các khoản bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn chưa chính xác là: 136.238.645đ + 250.734.655đ + 211.509.626đ + 186.300.000đ = 784.782.926 đồng nên bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn 2.961.412.416 đồng. Yêu cầu hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm tính lại lãi trong hạn và quá hạn trừ số tiền 784.782.926 đồng vào khoản tiền bà H1 phải trả cho ông A.

Căn cứ vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2020 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn vay các khoản tiền vào các đợt trong đó: Khoản vay 1: Số tiền: 3.463.650.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn vay từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/7/2022; Khoản vay 2: Số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/9/2021; Khoản vay 3: Số tiền: 25.000 USD tương đương 575.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng) Thời hạn vay từ ngày 15/12/ 2020 đến ngày 15/12/2022. Các bên xác định trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã trả cho nguyên đơn khoản vay 2 và khoản vay 3. Đối với khoản vay 1 nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 31/5/2022, bị đơn trả cho nguyên đơn 850.000.000 đồng của khoản vay 1 còn nợ lại 2.613.650.000 đồng gốc. Xét nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận, xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463



Bộ luật dân sự nên có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, đã đến hạn phải trả số tiền vay trên, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc của khoản vay 1 là 2.613.650.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu tính lại các khoản lãi trong hạn, quá hạn:

[2.2.1] Xét kháng cáo của bị đơn về phần lãi vay trong hạn mà bản án sơ thẩm đã tính từ 15/12/2020 - 15/07/2022 phải được tính trên số tiền là 2.613.650.000đ. Theo chứng cứ là bản kê trả lãi do bị đơn cung cấp thì từ ngày 31/5/2022 đến ngày 17/01/2023 bà H1 đã trả cho ông A nhiều lần số tiền là 850.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy việc tính lãi trong hạn từ 15/12/2020 - 15/07/2022 phải tính lãi suất theo số tiền gốc giảm dần nhưng tòa sơ thẩm lại tính lãi trên nợ gốc là số tiền 3.463.650.000 đồng là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý trừ khoản tiền gốc bà H1 đã trả là 850.000.000 đồng để tính lãi trên số tiền còn lại là 2.613.650.000 đồng kể từ ngày 31/5/2022. Điều này có lợi cho bà H1 nên chấp nhận. Do đó lãi trong hạn sẽ được tính như sau: Từ 15/12/2020 đến 30/5/2022, số tiền gốc để tính lãi là 3.463.650.000 đồng. Từ 31/5/2022 đến 15/7/2022, số tiền gốc để tính lãi là 2.613.650.000 đồng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc tính lãi trong hạn trên số tiền 2.613.650.000 đồng từ ngày 15/12/2020 đến ngày 30/5/2022.

[2.2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc bản án sơ thẩm tính sai lãi vay quá hạn từ 15/07/2022 đến 17/11/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bà Nguyễn Thị Thúy H1 thời hạn bà phải trả nợ cho ông Chu Quốc A là tháng 7/2023 nên bản án sơ thẩm xác định thời gian tính lãi quá hạn từ 15/07/2022 đến 17/11/2023 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H1. Để chứng minh cho lời khai của mình bà H1 có nộp bản tính có xác nhận của ông A. Tuy nhiên, trong bảng tính mà bị đơn nộp có nội dung ông A ghi “15 Jun - 22 6.097.245.687.95 Làm hợp đồng công chứng đến tháng 7/2023” nội dung này không thể hiện việc ông A đồng ý tính lãi quá hạn từ 7/2023 như bà H1 trình bày. Theo ông A, tại bảng tính nháp có nội dung “Làm hợp đồng công chứng đến tháng 07/2023” là do các khoản vay đã quá hạn, nhưng bà H1 vẫn không trả bất kì khoản gốc và lãi nào cho ông A, do đó ông A ghi ra để thỏa thuận đi làm hợp đồng công chứng cho vay, đây không phải là thời hạn phải trả để tính lãi quá hạn như bà H1 trình bày. Do đó, lãi quá hạn được tính từ ngày hết hạn cho vay, tức ngày 15/7/2022 theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền. Tòa sơ thẩm tính lãi quá hạn từ 15/7/2022 là đúng kháng cáo của bà H1 về thời gian tính lãi quá hạn từ tháng 7/2023 không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, do nguyên đơn đồng ý tính số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn từ 31/5/2022 là 2.613.650.000 đồng

nên cần tính lại lãi quá hạn từ 15/7/2022 đến 17/11/2022 trên số tiền nợ gốc là 2.613.650.000 đồng.

[2.2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H1 về việc bà đã thanh toán số tiền lãi cho nguyên đơn đến năm 2021 là 186.300.000 đồng nhưng không được bản án sơ thẩm trừ vào khoản lãi bà H1 phải trả cho ông A:

Theo bảng liệt kê có chữ ký xác nhận của ông Chu Quốc A và bảng kê tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị Thúy H1 do bà H1 nộp thể hiện các khoản lãi bà H1 trả cho ông A từ 18/11/2019 đến 15/6/2020 là 186.300.000 đồng. Tuy nhiên, hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2020 là sau thời điểm bà H1 đã trả khoản lãi 186.300.000 đồng nên tòa sơ thẩm không tính trừ khoản lãi này vào số tiền lãi bà H1 phải trả cho ông A theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2020 là phù hợp và đúng qui định pháp luật.

Từ những phân tích trên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với phần lãi trong hạn và lãi quá hạn nên hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm xác định lại số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Tại Hợp đồng cho vay các bên có thoả thuận đối với khoản vay 1: Mức lãi suất theo thoả thuận của các bên dựa trên qui định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay. Do các bên không có thoả thuận rõ về lãi suất, nên phần lãi suất sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/năm theo qui định pháp luật, tức là 10%/năm.

Theo qui định tại khoản 5 điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định: Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Xác định các khoản lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn cụ thể như sau:

Tiền nợ gốc: 3.463.650.000 đồng, ngày 31/5/2022 bị đơn đã trả được 850.000.000 đồng.

Tiền lãi vay trong thời hạn:

Thời gian tính lãi từ 15/12/2020 đến 30/5/2022, số tiền tính lãi 3.463.650.000 đồng:  $3.463.650.000 \text{ (đồng)} \times 0,83\% \times 17,5 \text{ tháng} = 503.095.162 \text{ đồng}$ ;

Thời gian tính lãi từ 31/5/2022 đến 15/7/2022, số tiền tính lãi 2.613.650.000 đồng:  $2.613.650.000 \text{ (đồng)} \times 0,83\% \times 1,5 \text{ tháng} = 32.539.942 \text{ đồng}$ . Tổng tiền lãi trong hạn là 535.635.104 đồng;

Tiền lãi vay quá hạn tính từ 16/7/2022 đến 17/11/2023, số tiền tính lãi 2.613.650.000 đồng:  $2.613.650.000 \text{ (đồng)} \times 150\% \times 0,83\% \times 16 \text{ (tháng)} = 520.639.080 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng tiền gốc và lãi của khoản vay 1 là 3.669.924.184 đồng. Như vậy, yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc trừ lại số tiền lãi tòa sơ thẩm xác định không đúng là 784.782.926 đồng không có cơ sở chấp nhận

[3] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn ông Chu Quốc A là 3.669.924.184 đồng nên phải chịu án phí là 105.398.484 đồng.

[5] Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn cho bà Nguyễn Thị Thúy H1 lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 002920 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 2289/2023/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 trả cho ông Chu Quốc A một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến 17/11/2023 là 3.669.924.184 đồng (Ba tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tư đồng), ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Lãi chậm trả sẽ tiếp tục tính cho đến khi bà H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu 105.398.484 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 56.109.000 đồng cho ông Chu Quốc A theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 001342 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 002920 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.BìnhThạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền**